

Số: 46/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh,
quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 932/TTr-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh về việc
xin ý kiến về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5
năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc
phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại
Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. HĐND tỉnh tán thành các chỉ tiêu đạt được của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2016 - 2020 và thống nhất Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Gia Lai và yêu cầu UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể như sau:

I. Những kết quả đạt được của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,55% (trong đó: ngành nông, lâm, thủy sản tăng 5,78%, công nghiệp-xây dựng tăng 8,65%, dịch vụ tăng 8,23%). GRDP đến năm 2020 theo giá hiện hành đạt 80.000 tỷ đồng, gấp 1,63 lần so với năm 2015. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 51,9 triệu đồng, tăng 1,48 lần so với năm 2015.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2020 tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 37,18% (giảm 2,86% so với năm 2015), công nghiệp - xây dựng chiếm 28,46% (tăng 1,69% so với năm 2015), dịch vụ chiếm 34,36% (tăng 1,17% so với năm 2015).

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch: Có 15/18 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 7,55% (vượt kế hoạch 0,05%);

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 37,18%, công nghiệp - xây dựng chiếm 28,46%, dịch vụ chiếm 34,36%;

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt 87 xã (vượt 17 xã so với kế hoạch đề ra);

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 đạt 1,15% (vượt kế hoạch 0,05%);

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 đạt 50,53% (vượt kế hoạch 10,53%);

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn 5,38% (kế hoạch 7%);

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đến năm 2020 đạt 90% (vượt kế hoạch 28,7%);

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2020 đạt 91,05% (vượt kế hoạch 0,95%);

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 46,7% (vượt kế hoạch 0,1%);

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đến năm 2020 đạt xấp xỉ 100% (đạt kế hoạch);

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đến năm 2020 đạt 89% (đạt kế hoạch);

- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS đến năm 2020 đạt 91,5% (đạt kế hoạch);

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 55% (đạt kế hoạch);

- Số bác sỹ trên vạn dân đến năm 2020 đạt 8 bác sỹ (đạt kế hoạch);

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2020 đạt 97%, ở thành thị đạt trên 99% (đạt kế hoạch).

2.2. Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch: Có 03/18 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, cụ thể như sau:

- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 51,9 triệu đồng (kế hoạch 54,8 triệu đồng);

- Thu ngân sách tăng bình quân đạt 7,02%/năm (kế hoạch 9-10%);

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 13,35%/năm (kế hoạch 15,24%).

3. Tồn tại, hạn chế

- Các chỉ tiêu về kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách, GRDP bình quân đầu người không đạt kế hoạch đề ra. Quy mô kinh tế còn nhỏ, chất lượng tăng trưởng chưa cao, mức độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và du lịch; thị trường tiêu thụ nông sản

không ổn định. Hoạt động các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp hiệu quả chưa cao, chưa thật sự thu hút các nhà đầu tư. Hoạt động thương mại, dịch vụ chưa có bước phát triển đột phá. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nông sản thô, giá trị kinh tế thấp. Đầu tư du lịch chưa tương xứng với tiềm năng.

- Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển còn khó khăn; thu ngân sách chưa đủ cân đối chi trên địa bàn, tỷ lệ nhận trợ cấp từ ngân sách Trung ương còn cao. Nợ xấu ngân hàng có chiều hướng tăng sau hạn hán, dịch bệnh COVID-19. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường có lúc, có nơi còn buông lỏng.

- Quy mô, chất lượng doanh nghiệp tư nhân thành lập mới chưa cao, hầu hết doanh nghiệp thuộc loại vừa, nhỏ và siêu nhỏ gặp khó khăn về vốn, nhân lực quản lý để phát triển.

- Kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo còn cao; trình độ và tiềm lực khoa học công nghệ còn thấp; nhân lực của ngành y tế còn thiếu.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa được phát triển sâu rộng, thường xuyên; tai nạn giao thông tuy được kiểm chế nhưng chưa bền vững và còn ở mức cao; tình hình vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng, quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản xảy ra còn nhiều.

4. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

4.1. Nguyên nhân khách quan

- Kinh tế của tỉnh ngày càng hội nhập sâu rộng và có độ mở lớn với sự cạnh tranh gay gắt và xu hướng bảo hộ gia tăng trong khi trình độ, năng lực của doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ liên quan của tỉnh chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Một số chính sách thuế mới của Trung ương ban hành đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động nguồn thu ngân sách địa phương.

- Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực biến động giảm mạnh, xảy ra dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi đã ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất của nhân dân và sự phát triển kinh tế của địa phương.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trách nhiệm của người đứng đầu ở một số ngành, địa phương chưa cao, còn thiếu gương mẫu, dễ xảy ra sai phạm. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành một số nơi chưa đạt yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một số văn bản ban hành thiếu tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thấp.

- Công tác cải cách hành chính và thủ tục hành chính ở từng lĩnh vực cụ thể còn bất cập và chưa đồng bộ. Một số cán bộ chính quyền các cấp, các cơ quan chuyên môn còn yếu về năng lực.

- Trong quá trình xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chưa dự báo đầy đủ tình hình và khả năng nguồn lực đảm bảo; chỉ đạo tổ chức thực hiện có lúc còn lúng túng, chưa quyết liệt. Việc thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao còn

chậm. Công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Việc cụ thể hoá một số chủ trương thành các chính sách cụ thể còn chậm, chưa kịp thời.

II. Một số nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng 5 năm 2021-2025

1. Mục tiêu

Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế thị trường. Phát triển nhanh các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; phát triển khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng năng lực đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, các nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện tốt chủ trương, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Giữ vững quốc phòng, an ninh. Phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; năng động, sáng tạo. Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực để xây dựng Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2021-2025

2.1. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm (GRDP) đạt 8,6% trở lên; trong đó, ngành nông - lâm - thủy sản tăng 6,25%, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 10,87%, ngành dịch vụ tăng 8,68%, thuế sản phẩm tăng 8,83%. GRDP theo giá hiện hành đến năm 2025 đạt 131.702 tỷ đồng.

- Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, thuế sản phẩm đến năm 2025 tương ứng là: 29,89%, 31,22%, 35,4%, 3,49%.

- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 79,5 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách nhà nước tăng 10%/năm trở lên.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 12,89%/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt khoảng 850 triệu USD, tăng bình quân 7,94%/năm. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 5,92%/năm.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025: 120 xã trở lên; số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 10 địa phương.

- Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt 35%.

2.2. Các chỉ tiêu phát triển văn hóa-xã hội, môi trường, an ninh-quốc phòng

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 0,8% trở lên (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025 đạt 1,1%.

- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở đến năm 2025 đạt 97%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt 68%.
- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 98%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 65% trở lên (trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 28-30%).
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo tiêu chí mới đến năm 2025 đạt 95% và số bác sỹ/vận dân đến năm 2025 đạt 9 bác sỹ.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95% dân số.
- Diện tích rừng trồng mới hàng năm đạt trên 8.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 47,75%.
- Tổ chức tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

3. Các chương trình đề án trọng tâm

Xây dựng, triển khai 04 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra gồm: (1) Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (2) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực; (3) Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; (4) Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

4. Định hướng phát triển 3 đột phá chiến lược

a. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Xây dựng các cơ chế, chính sách theo hướng dẫn của Trung ương phục vụ cho phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b. Phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ: Đặc biệt coi trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, liên kết trong công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

c. Phát triển kết cấu hạ tầng: Tăng cường huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, có hệ thống, có trọng điểm, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn và các trục giao thông đầu mối.

5. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

5.1. Về kinh tế

5.1.1. Ổn định tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh COVID-19, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

5.1.2. Phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông

thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục xác định ngành nông nghiệp là “trụ đỡ” của tỉnh trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, đảm bảo việc tổ chức sản xuất nông nghiệp hoạt động bình thường. Tăng cường thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Xây dựng các vùng cây trồng, vật nuôi hàng hóa có lợi thế so sánh và chăn nuôi gia súc gắn với chế biến sâu sản phẩm xuất khẩu. Thúc đẩy sản phẩm chủ lực OCOP (mỗi xã, phường một sản phẩm) của tỉnh gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng hợp tác xã, mô hình Nông hội.

Quản lý và có phương án sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có của tỉnh. Chuyển mạnh phương thức sản xuất từ lâm nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp xã hội về bảo vệ, phát triển rừng và quản lý rừng bền vững. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào phát triển chăn nuôi; tiếp tục thúc đẩy việc lai tạo, phát triển chăn nuôi bò, heo, các loại gia cầm theo hướng công nghiệp tập trung quy mô lớn. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo điều kiện của từng vùng; tập trung phát triển sản xuất giống thủy sản có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong tỉnh.

5.1.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng, chú trọng phát triển công nghiệp chế biến

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, ưu tiên tập trung phát triển các nhà máy chế biến sản phẩm từ nông nghiệp; phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời phù hợp với lợi thế của tỉnh.

Hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm quy mô lớn (các trung tâm chế biến nông sản) gắn với vùng nguyên liệu ổn định để phát triển sản xuất và chế biến sâu các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu trong vùng. Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào sản xuất - kinh doanh.

5.1.4. Nâng cao chất lượng phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, tập trung phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh

Hình thành, phát triển chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng xuất khẩu qua chế biến đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh gắn với xây dựng thương hiệu. Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân, đặc biệt chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phát triển thương mại trong tình hình dịch bệnh COVID-19, chú trọng đầu tư phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại để đảm bảo cung ứng hàng hoá; đẩy mạnh bán hàng qua hình thức thương mại điện tử.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, đa dạng hóa các hình thức đầu tư vào các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng phát triển dịch vụ. Chủ động xây dựng chương trình kích cầu du lịch để

triển khai ngay khi kiểm soát được dịch bệnh COVID-19, trong đó, tập trung các giải pháp để tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội làm cơ sở phát triển thương mại điện tử; thúc đẩy phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyên phát và hạ tầng logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số.

5.1.5. Về công tác quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thu hút vốn FDI, xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh. Triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025; phấn đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh đến năm 2025 nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tốt nhất cả nước.

5.1.6. Huy động ngân sách, tài chính, ngân hàng, khai thác tốt các nguồn thu phục vụ cho phát triển

Đảm bảo khai thác các nguồn thu địa phương một cách hợp lý, tích cực, bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng địa phương. Nâng dần tỷ lệ tự cân đối, giảm phần bổ sung từ ngân sách cấp trên; đảm bảo cân đối ngân sách.

Phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, đảm bảo theo kịp tốc độ phát triển và sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật cũng như quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

5.1.7. Phát triển các thành phần kinh tế

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển nông thôn. Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp hình thành, phát triển, có năng lực cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế; có giải pháp, cơ chế ưu đãi để thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế đến đầu tư. Tập trung củng cố, tổ chức lại hoạt động của các hợp tác xã theo mô hình hợp tác xã kiểu mới.

5.1.8. Tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng

Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để các đô thị chính trang nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội vùng động lực trong tỉnh. Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh, là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội với tính chất đô thị là cao nguyên xanh, vì sức khỏe con người; phát triển xây dựng thị xã An Khê cơ bản đạt các tiêu chí và đủ điều kiện công nhận là đô thị loại III (là đô thị trung tâm khu vực phía Đông của tỉnh); xây dựng thị xã Ayun Pa, thị trấn Chư Sê đạt đô thị loại IV.

5.1.9. Các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực

- Về tái cơ cấu đầu tư công: Xây dựng thực hiện kế hoạch đầu tư công

trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, ưu tiên vốn đầu tư công xây dựng các dự án liên vùng, có tính kết nối và lan tỏa; các dự án nhằm thu hút các nhà đầu tư.

- Về tái cơ cấu các ngân hàng thương mại: Tiếp tục yêu cầu các ngân hàng thương mại tự tái cơ cấu, tăng cường trích lập đủ dự phòng rủi ro và nâng cao hiệu quả. Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới ngân hàng trên địa bàn theo phương châm đi đôi với hiệu quả.

- Về tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trung ương và tiến độ quy định.

5.2. Về văn hóa, xã hội, môi trường

5.2.1. Lao động, việc làm, an sinh xã hội và giảm nghèo

Triển khai thực hiện tốt các chế độ, chính sách, chương trình, dự án để đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; nhất là đối với đông bào dân tộc thiểu số; Phấn đấu đưa tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 giảm bình quân 0,8%/năm; đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020) còn dưới 1%; tỷ lệ hộ nghèo đông bào dân tộc thiểu số giảm xuống còn dưới 5%.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có công; quan tâm chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; thực hiện bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Giải quyết việc làm cho người lao động bằng các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường xuất khẩu lao động.

5.2.2. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục của tỉnh theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường học, biên chế đội ngũ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả* và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII *về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 68%.

Tăng cường nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5.2.3. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện tốt các hoạt động phòng, chống dịch, chủ động giám sát dịch tễ, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chủ động phòng, chống dịch, đặc biệt là phòng, chống dịch COVID-19, các nhiệm vụ công tác đều tập trung cao độ theo quan điểm vừa chống dịch, vừa chăm sóc sức khỏe nhân dân toàn diện. Triển khai có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa, bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng các hình thức đầu tư,

huy động nhiều nguồn lực để đầu tư phát triển toàn diện hệ thống y tế.

5.2.4. Văn hóa thể dục thể thao, thông tin truyền thông

Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, cách mạng, dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, tổ chức có hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Đầu tư các thiết chế văn hóa của tỉnh, các công trình văn hóa gắn với các di sản văn hóa được UNESCO và Nhà nước công nhận. Khai thác, bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa tiêu biểu gắn với phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên môi trường. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng; quan tâm phát triển thể thao thành tích. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

Đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số.

5.2.5. Bảo vệ, khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong khai thác, sử dụng đất, nước, rừng, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên ở các ngành, doanh nghiệp kinh doanh dựa nhiều vào tài nguyên, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm. Phấn đấu đến năm 2025, thành phố Pleiku có hệ thống xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải đô thị với công nghệ hiện đại, phù hợp điều kiện địa phương.

5.3. Về công tác quốc phòng, an ninh, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm đường lối, chiến lược quốc phòng, chiến lược an ninh quốc gia của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Tăng cường giáo dục, truyền thông, thông tin nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến về hành động, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân trong đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tập trung xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ, trong đó lấy “*thế trận lòng dân*” vững chắc làm nền tảng cho thế trận an ninh nhân dân, kết hợp có hiệu quả với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang “*chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*”, làm tốt công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, phản động, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; duy trì thực hiện cơ chế “*một cửa*”, “*một cửa liên thông*” và áp dụng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính; kiên quyết chống các biểu hiện sách

hiều, gây phiền hà của cán bộ, công chức đối với nhân dân trong quá trình thực thi công vụ. Thực hiện xã hội hóa đối với một số dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công lập để từng bước tinh gọn bộ máy gắn với tinh giản biên chế.

Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Đưa công tác phòng, chống tham nhũng là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác tự kiểm tra, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng ngay tại cơ quan, đơn vị.

5.4. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, chú trọng phát triển quan hệ hợp tác với các tỉnh lân cận và các tỉnh trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác đối ngoại theo chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh, tích cực hội nhập quốc tế với trọng tâm là ngoại giao kinh tế, đẩy mạnh mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác kinh tế với các nước. Duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh bạn Lào, Campuchia, bảo vệ biên giới lãnh thổ hòa bình, ổn định; phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới.

III. Tổ chức thực hiện

Các cấp, các ngành quán triệt và công khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 vào kế hoạch hàng năm.

Giám đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của ngành và địa phương. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch. Đối với các vấn đề cần đổi mới, bổ sung, điều chỉnh phải báo cáo kịp thời với UBND tỉnh để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Giám đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ủy ban MTTQVN các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tiếp thu những ý kiến, kiến nghị của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và ý kiến đóng góp của các đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Hai, HĐND tỉnh khóa XII để xây dựng chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 với sự nỗ lực, quyết tâm cao nhất nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã được HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua.

Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khoá XII, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UB Thường vụ Quốc hội; VP Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ; VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng TH;
- Lưu: VT- TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên